

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.
2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H- Sinh năm: 1991; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; Địa chỉ: Thôn Nà L, xã Tùng B, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt có đơn xin)

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T- Sinh năm 1988; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; Địa chỉ: Thôn Nà Lò, xã Tùng Bá, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2022 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị H và anh Đặng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng về chung sống từ tháng 7/2008, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống, vợ chồng chị chung sống bình thường. Đến khoảng tháng 08 năm 2020, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận,

nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bên cạnh đó anh T thường xuyên uống rượu say về chửi bới, xúc phạm đến chị và đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được chính quyền thôn, xã giải quyết nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là cháu Đặng Văn Th, sinh ngày 23/5/2009 và cháu Đặng Thị L, sinh ngày 07/9/2010; Hiện nay các cháu đang ở với vợ chồng chị tại Thôn Nà Lò, xã Tùng B, huyện V, tỉnh H. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và giao cháu Th cho anh Đặng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Đặng Văn T nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Ngày 05/7/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tình cảm vợ, chồng chị H, anh T tại Ủy ban nhân dân xã Tùng B, huyện V, tỉnh H. Qua xác minh cho thấy, anh T hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về mâu thuẫn gia đình chị H và anh T là do anh T thường xuyên đi chơi bời, không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị H nhiều lần, phía anh T có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vì đương sự anh T vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Đặng Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 27 tháng 8 năm 2022. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Đặng Thị H và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh T. Về con chung chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và giao cháu Th cho anh Đặng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v "thi hành Luật hôn nhân và gia đình"; Áp dụng điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v "thi hành Luật hôn nhân và gia đình"; Áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Ly hôn" của chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T

- Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Văn Th (23/5/2009) và Đặng Thị L (07/09/2010). Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu L đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Th cho anh T chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đơn trình bày nguyện vọng của cháu Th ngày 10/02/2022 là muốn được ở với bố, cháu L ngày 10/02/2022 là muốn được ở với mẹ

Căn cứ Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Th cho anh T chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 BLTTDS

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H về việc xin ly hôn với anh Đặng Văn T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Đặng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đây là lần thứ hai anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Việc anh T không đến tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án của mình. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, về chung sống với nhau từ tháng 07/2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T có 02 con chung là cháu Đặng Văn Th, sinh ngày 23/5/2009 và cháu Đặng Thị L, sinh ngày 07/9/2010. Chị Đặng Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị L và giao cháu Đặng Văn Th cho anh Đặng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của cháu L là được ở với chị Đặng Thị H, cháu Th có nguyện vọng được ở với anh Đặng Văn T. Để bảo đảm quyền lợi của các con chung chưa thành niên, cần giao con chung chưa thành niên là cháu Đặng Thị L, sinh ngày 07/9/2010 cho chị Đặng Thị H và giao cháu Đặng Văn Th, sinh ngày 23/5/2009 cho anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Tài sản, công nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Đặng Thị H đối với anh Đặng Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ, chồng đối với chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn T.

3. Về con chung:

Giao cháu Đặng Thị L, sinh ngày 07/9/2010 cho chị Đặng Thị H; trú tại thôn Nà Lò, xã Tùng B, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16/8/2022.

Giao cháu Đặng Văn Th, sinh ngày 23/5/2009 cho anh Đặng Văn T; trú tại thôn Nà Lò, xã Tùng Bá, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16/8/2022.

Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản và công nợ chung: Chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002218 ngày 22 tháng 02 năm 2022. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H, anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều

7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vn;
- TAND tỉnh H;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Tùng B, huyện V, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vị Xuyên;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện Vị Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tùng Bá,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

huyện V, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

Nguyễn Thị Xuân

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa